



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 06 (06/02-10/02/23)

*Đánh giá kết quả kinh doanh
của doanh nghiệp Q4 và cả năm 2022*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index có cơ hội phục hồi tuần tới nếu giữ vững 1,060 điểm*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp Q4 và cả năm 2022*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng tiền qua OMO*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index vận động nhịp cuối trong mẫu hình tam giác hội tụ, có thể bật tăng lại khi giữ trên 1,060 điểm trong tuần tới*
5. TIN VĨ MÔ: *FED nâng lãi suất lên 4.5%-4.75%*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bán lẻ 2.34%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index có cơ hội phục hồi tuần tới nếu giữ vững 1,060 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1077.15	-3.58%
GTGD/phiên (tỷ VND)	11,859.66	15.39%
Khối ngoại (tỷ VND)	1681.20	
HNX-INDEX	215.28	-2.48%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1354.32	41.93%
Khối ngoại (tỷ VND)	130.33	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4136.48	-1.04%	1.62%	8.62%
EU (EURO STOXX)	4257.98	0.40%	1.91%	5.98%
China (SHCOMP)	3263.41	-0.68%	-0.04%	6.17%
Japan (NIKKEI)	27509.46	0.39%	0.46%	6.54%
Korea (KOSPI)	2480.40	0.47%	-0.15%	9.95%
Singapore (STI)	3384.29	0.61%	-0.29%	4.37%
Thailand (SET)	1688.36	0.34%	0.42%	0.87%
Phillipines (PCOMP)	7027.38	0.59%	-0.35%	5.39%
Malaysia (KLCI)	1490.47	0.04%	-0.53%	1.12%
Indonesia (JCI)	6911.73	0.31%	0.18%	3.88%
Vietnam (VNIndex)	1077.15	-0.04%	-3.58%	6.72%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2309	1064.80	-1.93%	29,463	45,486
VN30F2302	1081.90	-0.35%	83	951
VN30F2303	1082.50	-0.29%	16	937
VN30F2306	1067.00	-1.72%	9	120

TTCK VIỆT NAM

Áp lực chốt lãi mạnh, thị trường giảm gần về mặt bằng trước Tết AL

VN-Index giảm mạnh trước áp lực chốt lãi ngắn hạn và sự suy yếu nhanh của các cổ phiếu trụ cột. Thị trường dù vậy cân bằng trong 2 phiên cuối tuần khi khối ngoại mua ròng rõ rệt trở lại. VN-Index cả tuần giảm 3.58%. Đà giảm diễn ra trên diện rộng với 257/404 cổ phiếu và 15/19 ngành giảm điểm. Một số ngành đã tăng mạnh và ngành có hệ số beta cao như Hàng cá nhân & gia dụng, du lịch & giải trí, dịch vụ tài chính và bất động sản giảm trên 5% trong khi Bán lẻ, ô tô & phụ tùng, y tế và truyền thông đi ngược xu hướng. Mùa công bố KQKD gần kết thúc và khối ngoại giảm mạnh mua ròng trong 3 phiên đầu tuần đã thúc đẩy hoạt động chốt lãi ngắn hạn và đỉnh điểm diễn ra trong phiên 1/2. Thanh khoản có dấu hiệu cải thiện sau kỳ nghỉ Lễ nhưng phần lớn tăng ở những phiên giảm điểm. Tâm lý thị trường cuối tuần dần ổn định và VN-Index có thể phục hồi nếu ngưỡng hỗ trợ 1,060 điểm của mô hình mô hình tam giác hội tụ được giữ vững. Nhà đầu tư có thể cân nhắc canh mua tại những nhịp rung lắc nhằm đón đầu mùa ĐHCĐ sắp tới.

Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 1 năm 2023 cho thấy chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 14.6% tháng trước và 8% yoy; FDI đăng ký và giải ngân giảm lần lượt 19.8% và 16.3% yoy; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 5.2% tháng trước và 20% yoy; Kim ngạch XK ước giảm 13.6% tháng trước và 21.3% yoy, xuất siêu 3.6 tỷ USD; CPI tháng 1 tăng 0.52% tháng trước và tăng 4.89% yoy; Khách quốc tế tăng 23.2% tháng trước. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô phần lớn sụt giảm do hoạt động sản xuất kinh doanh gián đoạn trong 1 tuần nghỉ Tết AL 2023 tuy nhiên ngay một số chỉ tiêu có hiệu ứng tích cực từ kỳ Nghỉ Lễ như tổng mức bán lẻ và khách quốc tế cũng chưa thể quay lại thời điểm trước dịch. Điều này cho thấy các cấu phần tăng trưởng khác cần chuyển biến mạnh để bù đắp cho mục tiêu tăng trưởng 6.5% năm 2023.

TTCK THE GIỚI

TTCK các nước phát triển tiếp tục thăng hoa ngay cả khi kỳ vọng chính sách tiền tệ không được FED đáp ứng

FED tăng lãi suất như thông điệp trước đó không làm cho TTCK Hoa Kỳ giảm hưng phấn nhờ niềm tin vào lạm phát suy yếu và KQKD tích cực. Chỉ số S&P 500 tăng trên 2% và các chỉ số chứng khoán nước Châu Âu cũng nổi dài đà tăng với mức tăng bình quân trên 1%. Diễn biến các thị trường Châu Á dường như chưa bắt kịp với các nước phát triển khi giằng co đi ngang trong khi TTCK gây bất ngờ giảm mạnh 3.5%, lấy đi hơn 2/3 mức tăng điểm của tuần trước kỳ Nghỉ Lễ. Chỉ số hàng hóa Bcom giảm tiếp 2.7%, dẫn đầu là mức giảm từ giá dầu và gas tự nhiên lần lượt 4.2% và 22.6%. Ngoài ra các kim loại quý cũng giảm trên 2% sau một đợt tăng mạnh. USD Index cũng tiếp tục tăng 0.5% ghi nhận mức tăng tuần thứ 2. VND duy trì mức ổn định hỗ trợ cho hoạt động mua vào ngoại tệ của NHNN. Hoạt động của FED và hiệu ứng mở cửa Trung Quốc có dấu hiệu lu mờ trước mùa công bố KQKD tích cực tuy nhiên các yếu tố này sẽ quay trở lại chi phối thị trường khi mùa công bố KQKD dần kết thúc.

FED tiếp tục nâng lãi suất thêm 0.25% và không đưa ra dấu hiệu nào cho thấy đà tăng lãi suất sắp tới cuối chu kỳ. Điều này không nằm ngoài các thông điệp FED đã đưa ra trước đó nhưng không như kỳ vọng của một bộ phận thị trường dự đoán trên tín hiệu tích cực từ lạm phát suy giảm. FED cho biết lạm phát đã hạ nhiệt phần nào nhưng vẫn còn cao và họ vẫn cần thấy cần phải tiếp tục nâng lãi suất. Mức độ tăng lãi suất xác định dựa trên tác độ của các đợt tăng lãi suất, độ trễ chính sách và diễn biến các điều kiện tài chính cũng như nền kinh tế. Về kinh tế, FED đánh giá tăng trưởng ở mức khiêm tốn nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp. Bên cạnh quyết định tăng lãi suất, FED tiếp tục giảm số dư nắm giữ trái phiếu 95 tỷ USD trái phiếu và chứng khoán đảm bảo bằng khoản thế chấp đáo hạn.

Chú thích: * tỷ VND
^ hợp đồng

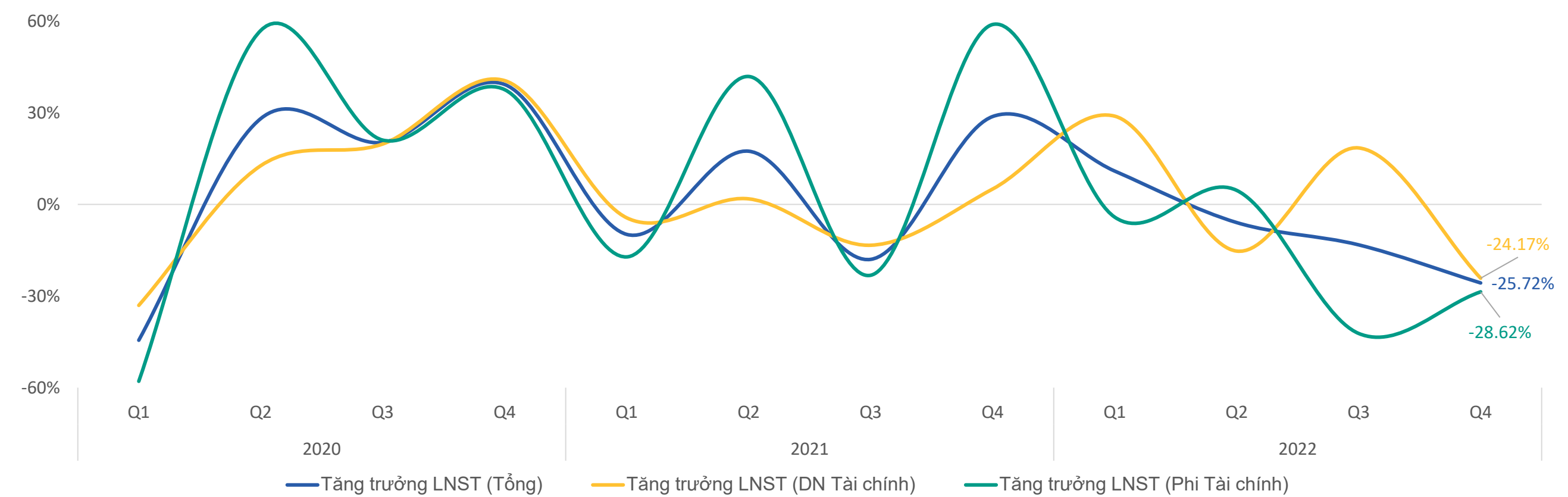
CHUYÊN MỤC TUẦN: *Đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp Q4 và cả năm 2022*

Hoạt động kinh doanh trong những tháng đầu năm 2022 mang gam màu tươi sáng nhờ sức bật mạnh mẽ của nền kinh tế sau đại dịch. Tuy nhiên, khó khăn mới đã ngấm vào tình hình kinh doanh trong nửa cuối năm và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong quý IV/2022 có sự phân hoá rõ rệt.

1. Bức tranh lợi nhuận doanh nghiệp 2022

Theo thống kê của BSC, lợi nhuận quý 4/2022 của doanh nghiệp niêm yết trên cả 3 sàn giảm tới 25.72%. Số lượng doanh nghiệp ghi nhận giảm về lợi nhuận trong chiếm tỷ lệ áp đảo, lên tới hơn 60%. Môi trường lãi suất cao cùng với nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước suy giảm đang là những yếu tố chính kéo lùi tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp.

Hình 1: Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp niêm yết (%YoY)

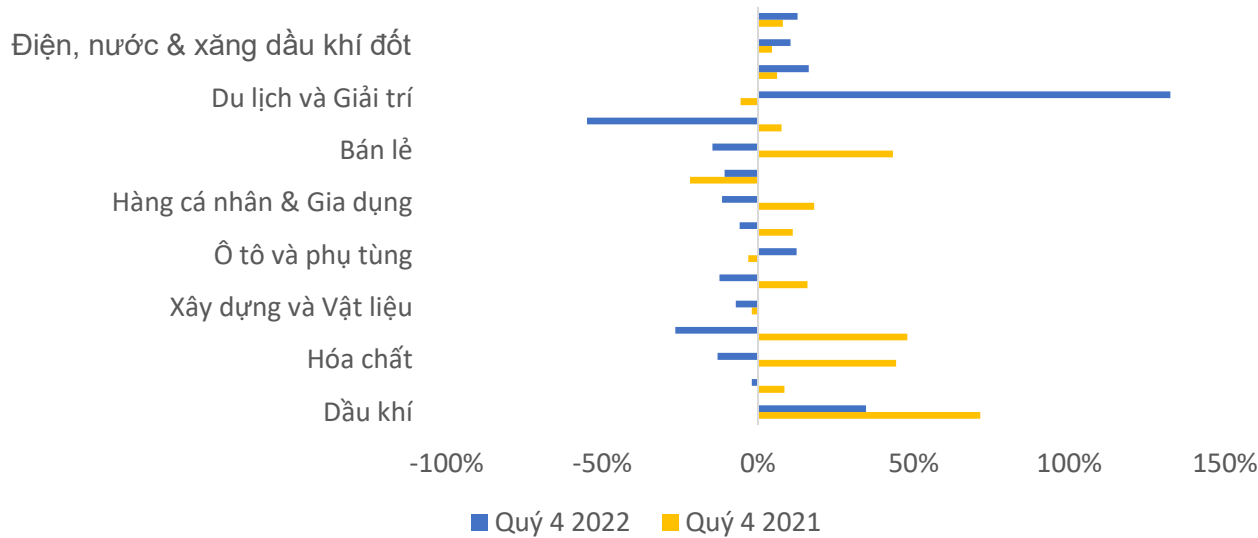


Nguồn: Fiinpro, BSC Research

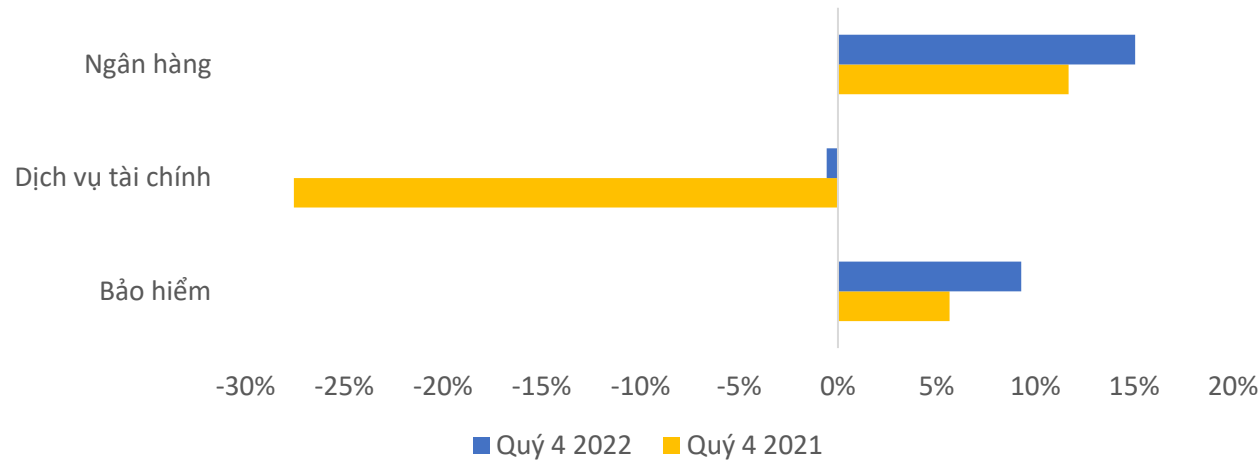
CHUYÊN MỤC TUẦN: Đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp Q4 và cả năm 2022

2. Cập nhật kết quả kinh doanh theo ngành

Biểu đồ 1: Tăng trưởng DTT ngành phi tài chính Q4-2021 và Q4-2022 (%YoY)



Biểu đồ 2: Tăng trưởng DTT ngành tài chính Q4-2021 và Q4-2022 (%YoY)



Hình 1: Tăng trưởng LNST năm theo ngành

Ngành	Tăng trưởng LNST (% YoY)			
	Q1-22	Q2-22	Q3-22	Q4-22
Tài chính				
Bảo hiểm	16.30%	-29.34%	-25.67%	81.75%
Dịch vụ tài chính	-23.51%	-83.83%	74.86%	-93.11%
Ngân hàng	28.78%	32.27%	51.11%	23.70%
Phi Tài chính				
Dầu khí	12.45%	174.25%	-42.56%	-9.16%
Bất động sản	-7.81%	-17.90%	137.04%	-49.80%
Hóa chất	21.57%	-20.17%	-23.64%	-2.60%
Tài nguyên Cơ bản	6.39%	-44.63%	-173.70%	1.09%
Xây dựng và Vật liệu	-4.56%	2.61%	-43.10%	-2.41%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-8.42%	27.85%	-8.64%	-19.63%
Ô tô và phụ tùng	-33.04%	-20.28%	39.99%	1.99%
Thực phẩm và đồ uống	18.46%	9.28%	13.42%	-26.41%
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.58%	6.25%	-33.57%	-29.45%
Y tế	-7.53%	1.17%	17.97%	-8.33%
Bán lẻ	-26.95%	-35.00%	4.49%	-25.27%
Truyền thông	48.74%	4.25%	14.76%	-30.44%
Du lịch và Giải trí	49.26%	37.88%	37.89%	-104.97%
Viễn thông	20.82%	20.88%	24.55%	6.15%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	56.24%	69.44%	26.69%	10.82%
Công nghệ Thông tin	35.86%	38.80%	29.09%	2.86%
Tổng	209.64%	173.77%	121.00%	-273.21%
Tài chính	21.58%	-80.90%	100.30%	12.34%
Phi Tài chính	188.06%	254.67%	20.70%	-285.54%

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

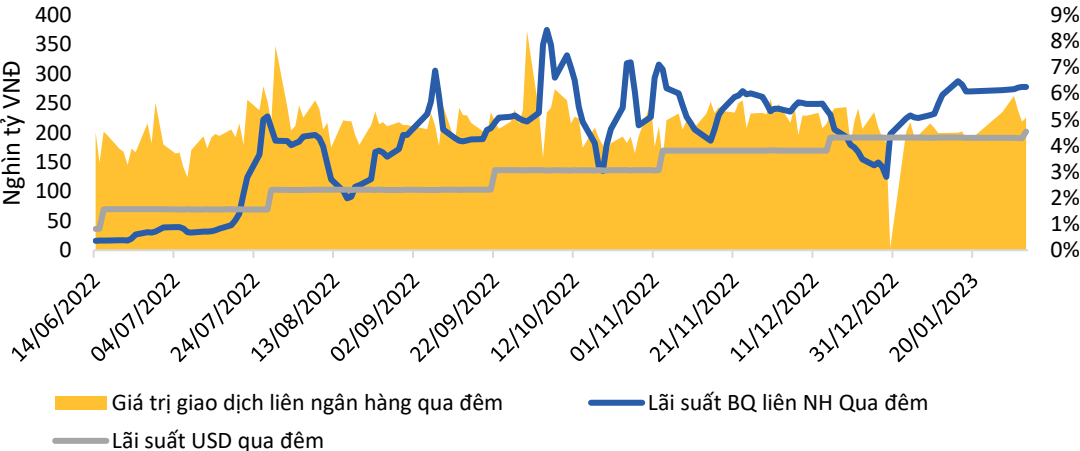
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 50	12/12/2022	16/12/2022	45,660.68	72,132.64	26,471.96
Tuần 51	19/12/2022	23/12/2022	108,604.38	14,570.77	-94,033.61
Tuần 52	26/12/2022	30/12/2022	159,109.38	121,905.52	-37,203.86
Tuần 1	2/1/2023	6/1/2023	113,255.13	126,388.00	13,132.87
Tuần 2	9/1/2022	13/1/2022	137,988.19	137,016.16	-972.03
Tuần 3	16/1/2023	19/1/2023	79,188.47	157,147.67	77,959.20
Tuần 4	27/1/2023	27/1/2023	15,477.99	24,133.13	8,655.14
Tuần 5	30/1/2023	3/2/2023	82,647.67	132,186.58	49,538.91

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	6.23%	6.58%	6.54%	7.61%	8.96%	11.29%	10.46%
So với tuần trước	0.10%	0.39%	-0.52%	-2.46%	-0.26%	-0.16%	0.85%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	236,257	18,187	4,607	1,872	1,084	102	140
So với tuần trước	0.51%	87.69%	441.94%	1328.82%	32.94%	1935.00%	16.67%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 02/02/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 05, 15 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành, ngoài ra SBV thực hiện mua 77.19 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 49.54 nghìn tỷ đồng qua OMO. Thanh khoản và lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm tăng nhẹ trong tuần 05/2023.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 6.23%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 236.26 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: VN-Index vận động nhịp cuối trong mẫu hình tam giác hội tụ, có thể bật tăng lại khi giữ trên 1,060 điểm trong tuần tới

Đồ thị ngày: Không vượt qua được kênh giá, VN-Index điều chỉnh với những phiên tăng giảm xen kẽ với áp lực chốt lãi mạnh. Chỉ số giảm lại dưới 1,100 điểm nhưng vẫn duy trì trên SMA20 và SMA100. Sau phiên giao dịch bán tháo ngày 1/2 với mẫu nến engulfing bear và cây nến nhấn chìm, VN-Index có thêm 2 phiên doji cuối tuần cho thấy cung cầu đã cân bằng và tâm lý dần ổn định lại. Các chỉ báo kỹ thuật giảm về mức trung bình.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI rơi khỏi vùng quá bán khi giảm từ từ 71 xuống 54 điểm.
- MACD chạm đường tín hiệu và thu hẹp với mức 0. Thanh khoản tăng ở những phiên giảm điểm và giảm dần vào cuối tuần.
- VN-Index vượt trên SMA20, SMA50 và SMA100; SMA20 cắt SMA100 từ dưới lên.

Nhận định: Thị trường đã chịu áp lực mạnh trong tuần này như đề cập trong tuần trước khi một vài chỉ báo bước vào vùng quá mua. VN-Index dù vậy vẫn vận động trong mô hình tam giác hội tụ (contracting triangle) theo mẫu hình a-b-c-d-e. Mẫu hình tiếp tục duy trì khi giữ trên 1,060 điểm và sẽ bật tăng mạnh nếu vượt qua ngưỡng cản trên tại 1,030 điểm. 1,060 điểm cũng là ngưỡng hỗ trợ mạnh, là điểm hội tụ bởi 2 đường trung bình động và nền giá cũ trước khi tăng. Vận động giá cũng đi vào giai đoạn cuối và kỳ vọng sớm có chuyển biến giá theo hướng tích cực trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *FED* nâng lãi suất lên 4.5%-4.75%

VIỆT NAM:

- Thủ tướng: ban hành Chỉ thị số 03/CT-TTg chỉ đạo khẩn trương trình dự thảo Nghị định về trái phiếu doanh nghiệp.
- Bộ Tài chính: tổng thu NSNN T1.2023 do cơ quan thuế quản lý ước đạt 179,500 tỷ đồng, đạt 13.1% so với dự toán pháp lệnh, bằng 113.1% svck.
- Bộ Tài chính: tính đến 31/1/2023, ước tính tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của cả nước đạt 80.63% kế hoạch, đạt 92.97% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.
- Bộ Tài chính: Nghị định 65 đã triển khai xong quy trình đánh giá tác động và dự kiến sẽ trình Chính phủ trong đầu tuần tới.
- NHNN: cuối tháng 11.2022, tổng tiền gửi của khách hàng tại các tổ chức tín dụng đạt hơn 13.8 triệu tỉ đồng, tăng khoảng 21% MoM.
- NHNN: đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc những ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc TCTD yếu kém có thể được nới tỷ lệ sở hữu (room) của khối ngoại từ 30% lên tới 49%.
- KBNN: trong Q1.2023 sẽ phát hành 108 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính phủ.
- Chủ tịch UBCKNN: Hệ thống giao dịch KRX đi vào hoạt động trong năm 2023.
- Tổng cục Hải quan: số thu NSNN từ hoạt động XNK tính đến hết ngày 31/1 đạt 24,852 tỷ đồng, đạt 5.8% so với dự toán (số dự toán 425,000 tỷ đồng), giảm 42.3% so với cùng kỳ năm 2022.
- Tổng cục Thống kê: tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam trong T1.2023 đạt gần 1.7 tỷ USD, giảm gần 20% YoY. Số dự án cấp mới tăng 48.5% và gấp 3.1 lần về vốn đăng ký svck.
- Bộ Xây dựng: tính đến 31/12/2022, dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là khoảng 800 ngàn tỷ đồng.
- S&P Global: chỉ số PMI của Việt Nam đạt 47.4 điểm trong tháng 1, tăng so với mức 46.4 điểm trong tháng 12 nhưng vẫn cho thấy sức khỏe ngành sản xuất suy giảm mạnh.
- VASEP: trong T1.2023, xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 600 triệu USD, giảm 31% svck.
- Hà Nội: Dệt may thiếu đơn hàng, chỉ gần 70% doanh nghiệp hoạt động sau Tết. Nguyên nhân do các doanh nghiệp thiếu đơn hàng sản xuất.

THẾ GIỚI:

- FED: nâng lãi suất 25 điểm cơ bản lên 4.5%-4.75% trong cuộc họp T2.2023 và không đưa ra dấu hiệu nào cho thấy họ sắp tới cuối chu kỳ nâng lãi suất.
- ECB: đã tăng cả ba loại lãi suất chính lên 50 bps, phù hợp với kỳ vọng của thị trường. Trong đó, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi đều tăng lần lượt ở mức 3%, 3.25% và 2.5%.
- BOE: tăng lãi suất lên 50 bps lên 4% như kỳ vọng, rủi ro lạm phát vẫn nghiêng về xu hướng tăng.
- BOC: tăng lãi suất chủ chốt thêm 25 bps lên mức 4.5% và cân nhắc không tăng lãi suất thêm.
- BOJ: trong T1.2023 đã mua vào hơn 23,690 tỷ Yên TPCP (khoảng 182 tỷ USD) nhằm bảo vệ trần lãi suất kỳ hạn 10 năm
- IMF: ước tính tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc năm 2023 là 5.2%, của Hoa Kỳ là 1.4% và của Khu vực đồng tiền chung châu Âu là 0.7%.
- Mỹ: PCE tháng 12 tăng 5% YoY. PCE lõi tăng 4.4% YoY.
- Mỹ: chỉ số chi phí lao động quý 4 ghi nhận tỷ lệ hàng quý là 1%, giảm trong 3 quý liên tiếp và áp lực vòng xoáy giá lương đã giảm bớt.
- Mỹ: PMI sản xuất ISM T1.2023 đạt 47.4 điểm, thấp hơn so với kì vọng được đưa ra (48 điểm). Đây là tháng thứ 5 liên tiếp chỉ số này ghi nhận sự sụt giảm.
- Mỹ: cơ hội việc làm JOLTS tháng 12 đạt 11.01 triệu, vượt mức dự kiến đạt 10.25 triệu được đưa ra.
- Mỹ: số người nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp ghi nhận 183,000 trong tuần kết thúc vào ngày 28/1, thấp nhất kể từ tuần kết thúc vào ngày 23/4/2022.
- EU: tỷ lệ lạm phát hàng năm đã giảm xuống còn 8.5% vào T1.2023, dưới mức dự báo là 9%.
- Eurozone: chỉ số niềm tin người tiêu dùng T1.2023 đạt -20.9. Chỉ số này đã được cải thiện do mùa đông ít khắc nghiệt hơn. Tuy nhiên, nếu ECB tiếp tục điều hâu thì sự lạc quan này sẽ không kéo dài.
- Eurozone: GDP Q4.2022 tăng 0.1%, cao hơn kỳ vọng 1.8%.
- Anh: 22,100 công ty đăng ký mất khả năng thanh toán trong năm 2022, tăng hơn 57% svck.

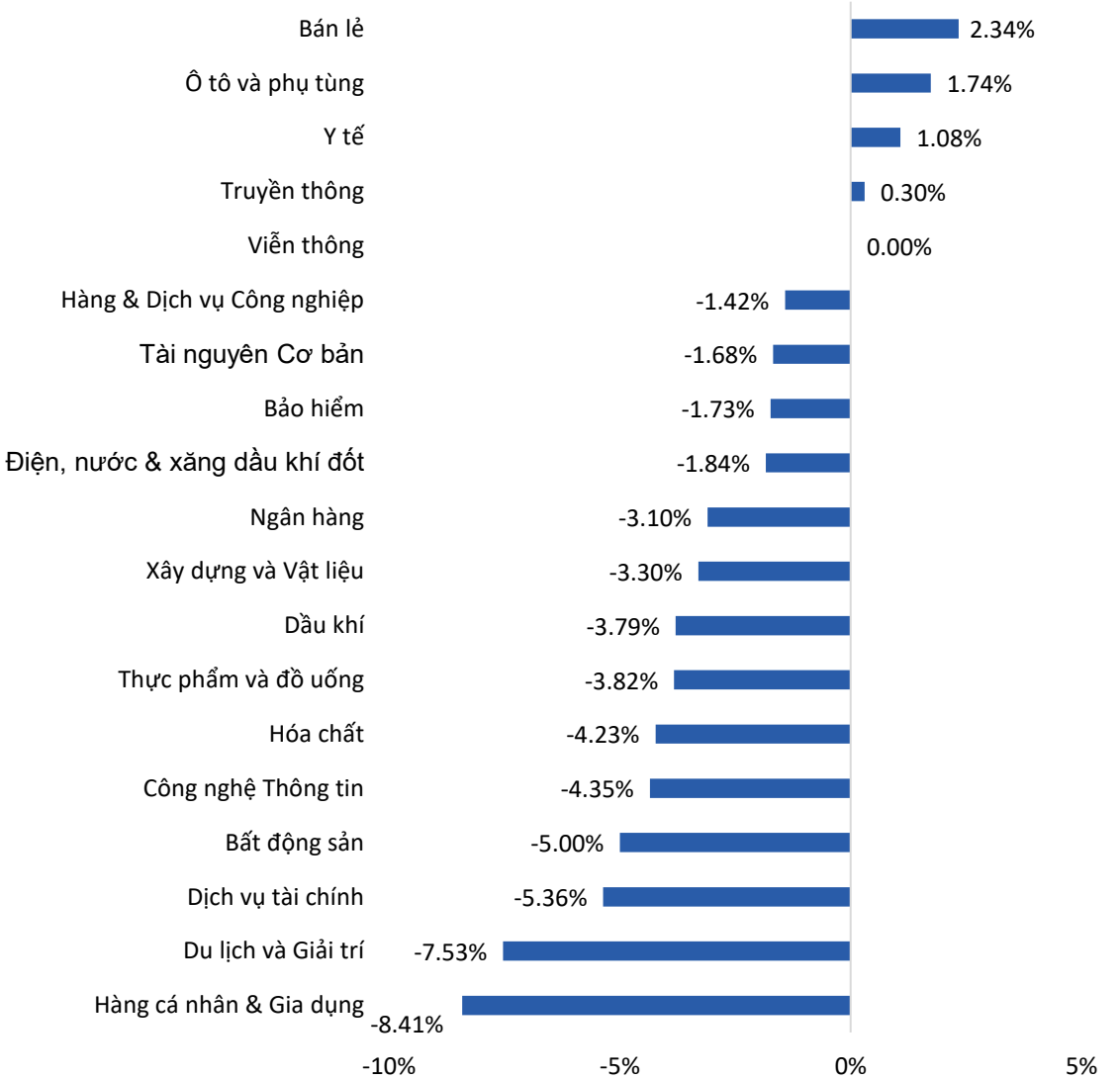
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Thông tin về sửa Nghị định 65 (trái phiếu riêng lẻ)
- Hoạt động mua ròng của khối ngoại
- 6/2, Cán cân thương mại Trung Quốc; Doanh thu bán lẻ EU. 7/2, Lãi suất và biên bản lãi suất NHTW Australia; Cán cân thương mại Canada và Hoa Kỳ. 8/2, Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 9/2, CPI, cung tiền M2, nợ mới Trung Quốc; Dự báo kinh tế EU; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 10/2, GDP Anh; Tỷ lệ thất nghiệp Canada; Tâm lý tiêu dùng Hoa Kỳ

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Bán lẻ	-2.92%	2.34%	7.10%	MWG	4.14%		
Ô tô và phụ tùng	0.00%	1.74%	3.25%	VEA	1.77%	0	0.00%
Y tế	1.10%	1.08%	3.34%	DBD	5.13%	PME	0.38%
Truyền thông	0.36%	0.30%	7.10%	YEG	2.27%	FOC	-2.01%
Viễn thông	0.00%	0.00%	-11.15%	VGI	-8.19%	FOX	-2.86%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	73.39	-3.28%	-7.89%	-4.84%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	79.94	-2.71%	-7.48%	2.47%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	232.10	-5.35%	-10.51%	-1.90%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,864.97	-2.50%	-3.27%	0.56%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	22.35	-4.75%	-5.30%	-5.92%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,532.00	-0.15%	1.49%	2.66%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	756.75	-0.56%	0.90%	-2.42%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.73	-0.34%	-1.55%	-3.22%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	224.40	-0.04%	-4.31%	2.94%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	21.24	-1.94%	1.34%	7.82%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	172.80	-2.87%	1.71%	3.91%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,980.50	-0.80%	-3.06%	8.83%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4,031.00	-1.39%	-4.79%	-0.20%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,569.50	-1.82%	-2.19%	13.37%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	846.00	-1.23%	-3.59%	1.99%		HPG
Than đá	USD/MT	220.65	-4.95%	-12.94%	-31.64%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	598.18	-1.77%	-5.23%	2.17%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
MWG	4.14%	0.70
HDB	4.80%	0.54
VIB	4.07%	0.50
NVL	7.17%	0.49
SBT	11.81%	0.29
OCB	3.74%	0.24
GMD	5.20%	0.20
ACG	13.43%	0.18
VSH	6.21%	0.13
VCF	8.42%	0.12
Tổng		3.40

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-9.76%	-5.68
VIC	-5.41%	-3.06
MSN	-6.94%	-2.57
VPB	-7.36%	-2.45
VNM	-5.00%	-2.10
TCB	-6.71%	-1.72
ACB	-7.02%	-1.57
CTG	-4.28%	-1.57
BID	-2.69%	-1.52
GVR	-8.61%	-1.46
Tổng		-23.71

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	867.50	#N/A N/A
STB	337.71	28.02
FUEVFN	317.64	
SSI	185.28	43.28
HDB	147.85	18.25
HCM	118.54	46.42
VIC	104.93	12.87
VND	67.45	24.04
IDC	66.72	#N/A N/A
BID	66.22	17.24
Tổng	2,279.85	

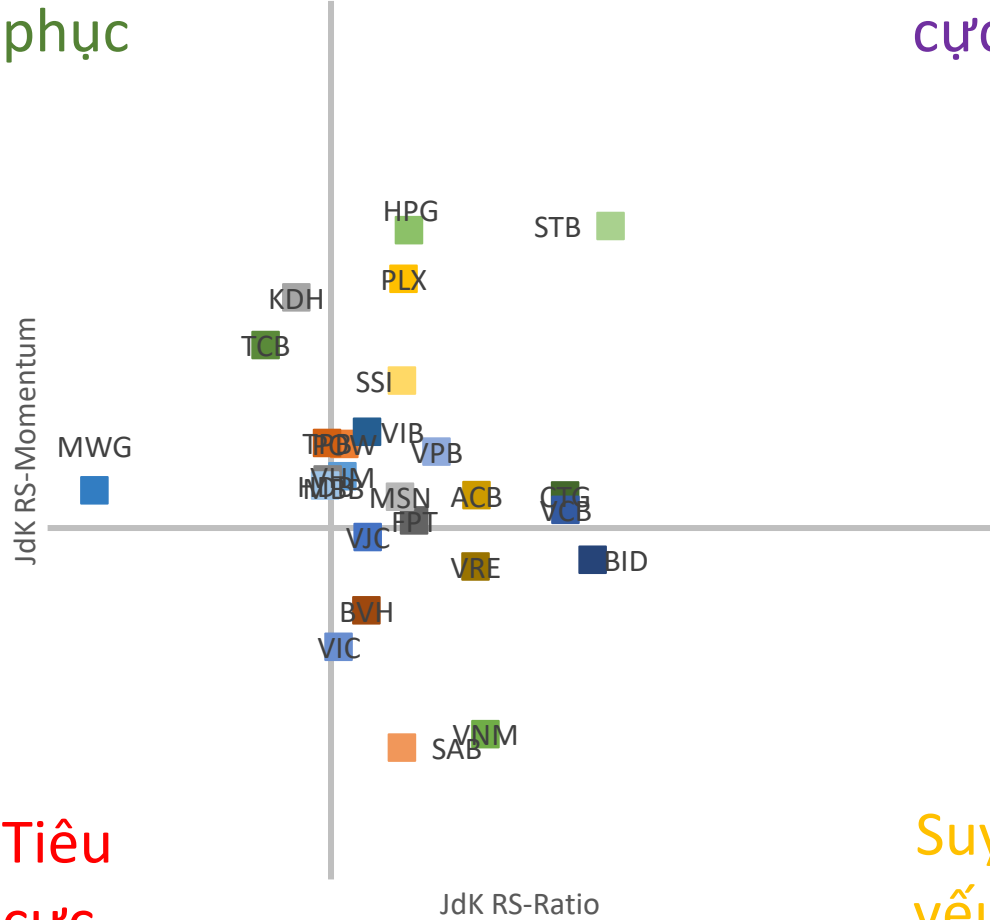
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	-236.53	55.81
VHM	-181.67	24.40
DGC	-133.12	16.74
ST8	-79.63	24.06
KDH	-64.37	37.74
KDC	-62.94	25.17
KBC	-62.67	19.63
BMP	-58.15	85.45
MSN	-53.77	30.67
PVT	-35.33	19.08
Tổng	-968.18	

Vận động cổ phiếu VN30			
VHM	100.6242	101.46	6.89%
POW	100.7219	102.3846	20.30%
PLX	103.8624	107.0801	37.13%
VIB	101.9182	102.726	38.86%
FPT	104.4211	100.206	8.10%
CTG	112.4116	100.9142	23.09%
MSN	103.6684	100.8858	11.56%
HPG	104.1502	108.4623	38.82%
ACB	107.7116	100.9249	17.79%
VCB	112.4224	100.5065	23.18%
SSI	103.7627	104.1849	19.70%
VPB	105.5999	102.1614	4.29%
STB	114.811	108.584	51.01%
KDH	98.17393	106.5539	16.92%
MWG	87.49873	101.0622	11.16%
TPB	99.80312	102.4151	20.60%
MBB	99.84775	101.3699	5.38%
TCB	96.55262	105.1958	4.84%
HDB	99.7126	101.1987	25.34%
GVR	88.45038	105.825	33.33%
VJC	101.9597	99.73834	6.23%
VNM	108.1878	94.12759	-1.33%
BVH	101.8951	97.65165	8.15%
VRE	107.6728	98.89906	12.31%
BID	113.8597	99.09122	20.42%
SAB	103.7721	93.74044	4.15%
VIC	100.4164	96.60948	3.13%
GAS	101.0295	93.96588	-7.64%
PDR	43.08883	77.58432	-47.71%
NVL	32.26666	62.19148	-76.79%

Hồi
phục

Tiêu
cực

CP VN30 vs. VN-Index



Tích
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DANH MỤC ĐẦU TƯ CƠ BẢN

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	24.5	19.1	28.27%	24.4	-0.41%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	84.5	74.7	13.12%	90	6.51%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	84	75	12.00%	94.2	12.14%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	16.1	13.6	18.38%	18.7	16.15%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	61.8	37.7	63.93%	51.2	-17.15%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	14.9	10.6	40.57%	14.1	-5.37%	
7	DRC	Ô tô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	22.7	16.7	35.93%	26.72	17.71%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	80.1	65.9	21.55%	84.6	5.62%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	71.4	59.8	19.40%	75.3	5.46%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.8	12.2	13.11%	15.7	13.77%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	40.00	29.00	37.93%	43.40	8.50%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	24	16.7	43.71%	18.1	-24.58%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	23	19	20.63%	24	3.51%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	47.8	37.9	26.12%	50.3	5.23%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	82.1	70.1	17.12%	65.99	-19.62%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	12.15	10.45	16.27%	13	7.00%	
17	PVD	Dầu khí	HNX	Mua	19.3	13.6	41.91%	19.7	2.07%	
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	23.6	19.1	23.56%	28	18.64%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	19.3	17.5	10.29%	24.3	25.91%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	14.8	12	23.33%	16	8.11%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	70.5	70.2	0.43%	86	21.99%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	93	75	24.00%	90.3	-2.90%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	40.3	34.9	15.47%	48	19.11%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	68	74.9	-9.21%	87.2	28.24%	
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	76	75.65	0.46%	82.91	9.09%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	29.2	25	16.80%	31.8	8.90%	

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

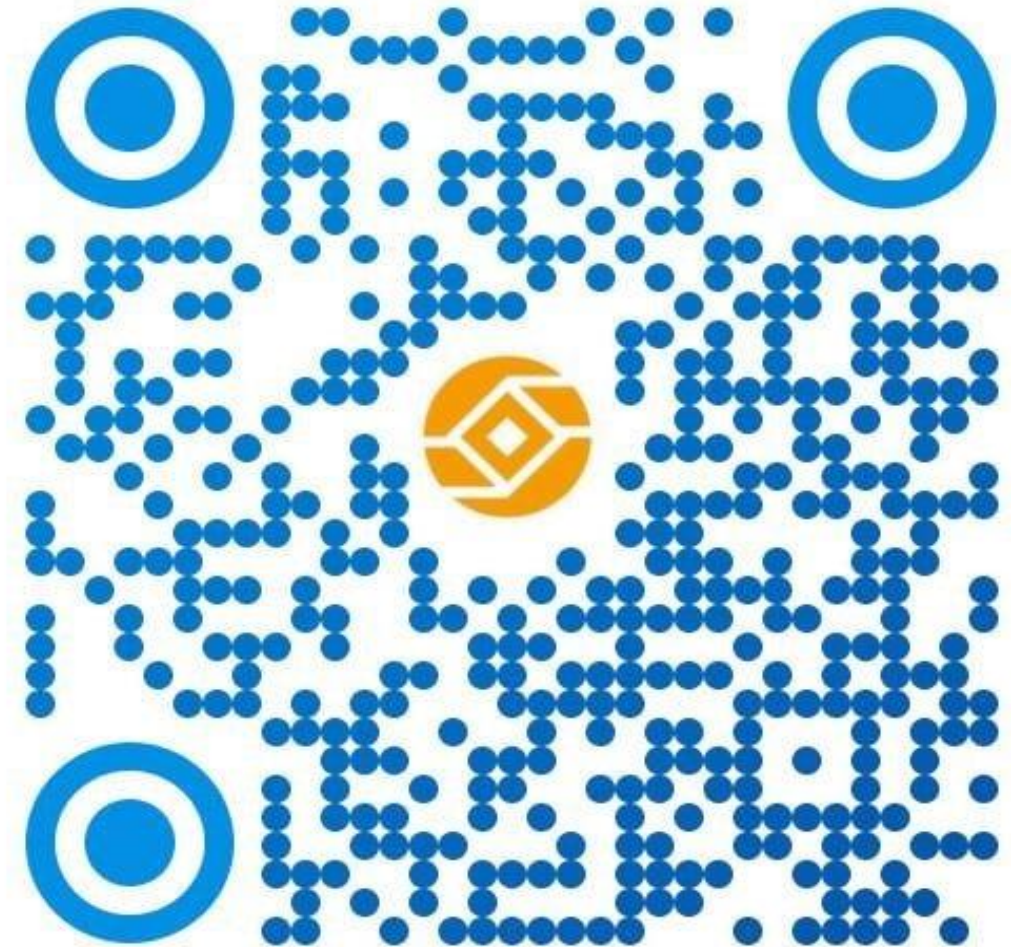
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký